**Tài khoản nhân viên**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tên class | TaiKhoanNV | | Mã số: |
| Tham chiếu: [FRA][ UCCN][1.5.3.5] |
| Mô tả | Lưu trữ thông tin tài khoản của nhân viên | | |
| Thuộc tính | Tên thuộc tính | Mô tả | |
| maTK | Làm khóa chình trong bảng Tài khoản nhân viên. | |
| tenDangNhap | Là tên đăng nhập của người dùng vào hệ thống với xác thực có thể thấy được trên giao diện. | |
| matKhau | Là phần xác thực người dùng bị ẩn đi, không nhìn thấy được trên giao diện | |
| Phương thức | Tên phương thức | Mô tả | |
| Không có |  | |
| Quan hệ | Tên lớp | Mô tả | |
| Nhân viên | Tài khoản nhân viên có quan hệ với bảng nhân viên. Một nhân viên có một tài khoản đăng nhập và ngược lại một tài khoản đăng nhập là duy nhất với một nhân viên. | |

**Vai trò**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tên class | VaiTro | | Mã số: |
| Tham chiếu: “anh điền giúp” |
| Mô tả | Lưu trữ thông tin về vai trò trong công ty của tất cả nhân viên trong công ty. | | |
| Thuộc tính | Tên thuộc tính | Mô tả | |
| maVT | Là khóa chính trong bảng vai trò giúp phân biệt vai trò với nhau. | |
| tenVT | Là tên cụ thể cho vai trò | |
| moTaVT | Giúp mô tả rõ hơn về tên vai trò có nhiệm vụ gì trong công ty | |
| Phương thức | Tên phương thức | Mô tả | |
| Không có |  | |
| Quan hệ | Tên lớp | Mô tả | |
| Nhân viên | Bảng vai trò có mối quan hệ với bảng nhân viên. Với mỗi vai trò có thể có nhiều nhân viên đảm nhiệm nhưng với mỗi nhân viên thì chỉ có một vai trò nhất định trong công ty. | |

Phòng ban

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tên class | PhongBan | | Mã số: |
| Tham chiếu: : “anh điền giúp” |
| Mô tả | Lưu trữ thông tin các phòng ban mà công ty đang có. | | |
| Thuộc tính | Tên thuộc tính | Mô tả | |
| maPB | Làm khóa chính trong bảng phòng ban để phân biệt giữa các phòng ban với nhau. | |
| tenPB | Là tên phòng ban hiện có trong công ty. | |
| moTa | Mô tả giúp hiểu rõ hơn về phòng ban đó làm cụ thể công việc gì. | |
| Phương thức | Tên phương thức | Mô tả | |
| Không có |  | |
| Quan hệ | Tên lớp | Mô tả | |
| Nhân viên | Phòng ban có mối quan hệ với bảng nhân viên. Mỗi phòng ban có thể có nhiểu nhân viên nhưng vỡi mỗi nhân viên thì chỉ thuộc về một phòng ban tương ứng. | |

**Công việc**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tên class | CongViec | | Mã số: |
| Tham chiếu: : “anh điền giúp” |
| Mô tả | Lưu trữ thông tin công việc. | | |
| Thuộc tính | Tên thuộc tính | Mô tả | |
| maCV | Làm khóa chính trong bảng công việc giúp phân biệt các công việc với nhau | |
| tenCV | Là tên thể hiện công việc. | |
| moTaCV | Mô tả giúp hiểu rõ hơn về công việc là phải làm gì. | |
| yeuCauCV | Là những yêu cầu của công việc mà nhân viên sau khi được giao phải hoàn thành. | |
| hanHoanThanh | Là mốc thời gian khi tới đó nhân viên phải hoàn tất tất cả các yêu cầu công việc đã được giao | |
| Phương thức | Tên phương thức | Mô tả | |
| Không có |  | |
| Quan hệ | Tên lớp | Mô tả | |
| Nhân viên | Bảng công việc có mối quan hệ với bảng nhân viên. Với mỗi công việc có thể giao cho nhiều người thực hiện và ngược lại với mỗi nhân viên cũng có thể nhận được nhiều công việc. | |

**Phân công**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tên class | PhanCong | | Mã số: |
| Tham chiếu: : “anh điền giúp” |
| Mô tả | Lưu trữ thông tin phân công công việc cho nhân viên | | |
| Thuộc tính | Tên thuộc tính | Mô tả | |
| ngayPC | Lưu lại ngày đã phân công công việc cho nhân viên | |
| nhiemVu | Mỗi nhân viên sẽ được giao nhiệm vụ riêng trong công việc. | |
| danhGia | Dựa vào nhiệm vụ đã được giao với công việc tương ứng cho nhân viên. Sau khi hoàn thành nhiệm vụ sẽ được đánh giá về mức độ hoàn thành nhiệm vụ của nhân viên. | |
| ghiChu | Là mục giúp nhân viên hiểu rõ hơn về một số vấn đề quan trọng khi được giao nhiệm vụ. | |
| Phương thức | Tên phương thức | Mô tả | |
| Không có |  | |
| Quan hệ | Tên lớp | Mô tả | |
| Nhân viên và Công việc | Là bảng mô tả chi tiết hơn về mối quan hệ giữa 2 bảng công việc và bảng nhân viên. | |

**Trạng thái nhân viên**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tên class | TrangThaiNV | | Mã số: |
| Tham chiếu: [FRA][ UCCN][1.5.4.3] |
| Mô tả | Lưu trữ thông tin về trạng thái của nhân viên | | |
| Thuộc tính | Tên thuộc tính | Mô tả | |
| maTT | Là khóa chính trong bảng trạng thái nhân viên. | |
| ten | Là tên của trạng thái. | |
| moTa | Mô tả rõ hơn về trạng thái đang làm việc của nhân viên dựa vào tên trạng thái( có thể đang làm viêc, đã nghỉ việc,….) | |
| Phương thức | Tên phương thức | Mô tả | |
| Không có |  | |
| Quan hệ | Tên lớp | Mô tả | |
| Nhân viên | Có mối quan hệ với bảng nhân viên. Một trạng thái ở một thời điểm có thể có nhiều nhân viên có cùng trạng thái. Nhưng đối với một nhân viên thì chỉ có một trạng thái tại một thời điểm. | |